

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07-5-2019.

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Hoàng Vũ.

Ông Võ Văn Cường.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thái Văn An - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2019/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 3 năm 2019 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐST-DS ngày 24/4/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phan Hoàng N, sinh năm 1982; trú tại: Số nhà 582, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; trú tại: Số nhà 189A, ấp L, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 06/3/2019 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Phan Hoàn N trình bày :*

Anh và chị Nguyễn Thị T do quen biết nhau đã được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ năm 2003, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng thời gian sau thì vợ chồng có nhiều bất đồng về lối sống, tình cảm không còn nữa nên cuộc sống chung không hạnh phúc, không ai quan tâm đến ai. Vì thế, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 8/2018 đến nay.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Trường P, sinh ngày 20/7/2006, hiện đang sống với chị T.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay anh N xin ly hôn với chị T và đồng ý giao con chung tên Phan Trường P cho chị T nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị T có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm trình bày:*

Chị T thống nhất về thời gian vợ chồng chung sống như anh N trình bày, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì tình cảm vợ chồng không có, cuộc sống chung không hạnh phúc, không ai quan tâm đến ai.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Trường P, sinh ngày 20/7/2006, hiện đang sống với chị T.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay chị T đồng ý ly hôn với anh N và đồng ý nuôi con chung tên Phan Trường P, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát P biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

-Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

-Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Qua phát biểu tranh luận và trên cơ sở phân tích, đánh giá chứng cứ thể hiện trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Phan Hoàn N và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Phan Hoàn N và chị Nguyễn Thị T giao con chung tên Phan Trường P, sinh ngày 20/7/2006 cho chị T nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

* Kiến nghị: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung: Xét yêu cầu của anh Phan Hoàn N xin ly hôn với chị T và đồng ý giao con chung tên Phan Trường P cho chị T nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Về hôn nhân: Anh Phan Hoàn N và chị Nguyễn Thị T đã chung sống với nhau năm 2003 được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của anh N, chị T không được pháp luật công nhận.

Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“Việc kết hôn phải được đăng ký do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“ Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật này”.

Vì vậy về quan hệ hôn nhân: không công nhận anh Phan Hoàn N và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh N và chị T có 01 con chung tên Phan Trường P, sinh ngày 20/7/2006, hiện đang sống với chị T. Anh N và chị T thỏa thuận giao con chung tên Phan Trường P, sinh ngày 20/7/2006 cho chị T nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận trên phù hợp quy định tại Điều 81,82 của Luật hôn nhân và gia đình, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của cháu P nên công nhận sự thỏa thuận của anh N và chị T về việc nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, anh N, chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì nguyên đơn anh Phan Hoàn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Phan Hoàn N và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Phan Hoàn N và chị Nguyễn Thị T giao con chung tên Phan Trường P, sinh ngày 20/7/2006 cho chị T nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Phan Hoàn N trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

3. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Anh Phan Hoàn N phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008568, ngày 15/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung. Anh Phan Hoàn N đã nộp xong.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hoàng